

# Tác động của chính sách hiện hành đối với quá trình đổi mới công nghệ giảm thiểu khí nhà kính ở các khu kinh tế ven biển

○ PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH

Phò Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT  
TS. ĐỖ HỮU HÀO

Chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp môi trường Việt Nam  
NCS. ĐẶNG QUỐC THẮNG

Trưởng ban Kinh tế TN&MT, Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT

**K**hí nhà kính (KNK) là tác nhân cơ bản làm trái đất nóng lên và nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu. Nỗ lực của toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng là phải cắt giảm KNK do hoạt động phát triển kinh tế gây ra, đặc biệt là đối với các khu kinh tế (KKT), nơi tập trung cao độ các doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh phát thải khối lượng lớn KNK. Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã từng bước tạo lập khung pháp lý, hình thành cơ chế chính sách để thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ cho toàn ngành kinh tế nói chung cũng như các KKT ven biển nói riêng. Các chính sách hiện hành có những tác động tích cực lẫn hạn chế đối với quá trình đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK đối với các KKT ven biển. Chính vì vậy, việc đánh giá tác động, chỉ ra hạn chế và đưa ra các giải pháp bổ sung, điều chỉnh kịp thời đối với chính sách đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển các KKT ven biển hiện nay.

**Chính sách hiện hành liên quan đến đổi mới công nghệ giảm thiểu khí nhà kính đối với khu kinh tế ven biển**

Để phát triển các KKT ven biển gắn với BVMT, giảm thiểu phát thải KNK, Đảng và Nhà nước đã có một số chủ trương, chính sách liên quan đến đổi mới công nghệ, giảm thiểu KNK hết sức quan trọng. Trong đó, đáng chú ý là: Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đã đề ra giải pháp về phát triển KH&CN biển; xây dựng đầy đủ, đồng bộ hệ thống cơ chế,

chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển và vùng ven biển.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý TN&BVMT" đã đề ra giải pháp "đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến tiến bộ KH&CN trong ứng



phó với BDKH, quản lý TN&BVMT. Vấn đề khuyến khích đổi mới công nghệ được chính thức đề cập khi Luật khuyến khích đầu tư trong nước ra đời vào năm 1998. Theo Luật này, các dự án đầu tư vào lĩnh vực đổi mới công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong điều kiện sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu, được giảm tiền sử dụng đất. Ngay sau đó, vào năm 1999, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 119/1999/NĐ-CP về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN. Các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ sẽ nhận được những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Đến nay, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật chung hướng đến khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường các hoạt động KH&CN, nâng cao năng lực cạnh tranh. Luật KH&CN ra đời năm 2000 mở đầu quá trình ban hành các văn bản pháp lý liên quan chặt chẽ đến vấn đề phát triển KH&CN nói chung và đổi mới công nghệ nói riêng, tiếp đó nhiều đạo Luật liên quan cũng đã được ban hành. Đặc biệt, Luật KH&CN sửa đổi được ban hành năm 2013 đã bổ sung những quy định mới, tạo hành lang pháp lý và thủ tục thuận lợi để doanh nghiệp có thể thực hiện các nguồn vốn đầu tư thực hiện các nhiệm vụ đổi mới công nghệ. Đặc biệt, hành lang pháp lý cho công tác giảm phát thải KNK, ứng phó với BĐKH đang ngày một hoàn thiện.

Ngoài các chính sách chung của nhà nước, chính quyền các địa phương nơi có các KKT ven biển cũng ban hành các quyết

định ưu đãi thêm khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư vào các lĩnh vực có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao năng lượng và giảm phát thải KNK thông qua các chính sách về miễn, giảm tiền thuê đất, sử dụng đất; hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng; giảm, miễn thuế nhập khẩu thiết bị đổi mới công nghệ; giảm thuế thu nhập cá nhân; hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật.

### Tác động của chính sách đổi mới đổi mới công nghệ giảm thiểu khi nhà kinh của khu vực kinh tế ven biển

Các KKT ven biển bước đầu đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước trong việc thu hút vốn đầu tư, hình thành cơ sở hạ tầng với cơ cấu hiện đại dần dần được hoàn thiện, phần nào đã giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động ngay tại địa phương cũng như ở các khu vực lân cận. Đến nay, một số khu đã hoạt động hiệu quả, khẳng định vị trí và vai trò làm "hạt nhân động lực" phát triển KT-XH, bảo vệ quốc phòng, an ninh, chủ quyền các vùng và cả nước như KKT Chu Lai, KKT Dung Quất, KKT Vũng Áng; KKT Đình Vũ - Cát Hải. Tuy nhiên, nhìn chung hiệu quả đem lại từ các KKT ven biển chưa thực sự rõ nét. Sự phát triển của các KKT ven biển vẫn diễn ra với tốc độ chậm, chưa tạo nên động lực thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển và tạo động lực đưa nền kinh tế đất nước đi lên.

Tác động của các cơ chế, chính sách đổi mới quá trình đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK đối với các KKT ven biển có thể được thực hiện bằng nhiều

phương thức khác nhau, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp. Sự thành công của chính sách phụ thuộc rất nhiều yếu tố như bối cảnh lịch sử, tình hình phát triển, tiềm lực tài chính, trình độ chiến lược, trình độ quản lý, tổ chức, nguồn nhân lực trách nhiệm xã hội của KKT ven biển. Các tác động tích cực của chính sách hiện hành đối với quá trình đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK đối với các KKT ven biển được thể hiện ở các khía cạnh như: Tác động của chính sách đến nhận thức của doanh nghiệp, KKT ven biển đối với các chính sách liên quan đến đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK của Nhà nước; làm thay đổi mức độ đầu tư của các KKT ven biển cho đổi mới công nghệ giảm phát thải KNK; tác động của cơ chế chính sách trong việc tạo môi trường thuận lợi cho các KKT đầu tư đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK.

Thực tế cho thấy, những kết quả đạt được bước đầu hoạt động đổi mới công nghệ tại các KKT ven biển hiện nay còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài nguyên nhân do thiếu vốn cho đổi mới công nghệ, trình độ nguồn nhân lực để ứng dụng công nghệ cao, công nghệ giảm thiểu KNK còn hạn chế, thì một trong những nguyên nhân cơ bản là do cơ chế chính sách liên quan đến đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK tại các KKT ven biển còn thiếu. Cụ thể là: Chính sách liên quan đến đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK đối với các KKT ven biển mới dừng ở chủ trương, chưa được quán triệt và thể chế hoá đầy đủ, kịp thời, chưa mang tính đồng bộ; chính sách về tài chính, tín dụng cho đầu tư đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp chưa phát huy được hiệu quả; các doanh nghiệp chưa quan

tâm thực sự đến đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK; chính sách phát triển thị trường KHCN nói chung, thị trường công nghệ giảm thiểu KNK nói riêng ở nước ta còn sơ khai, chưa phát triển.

### **Giải pháp khắc phục**

*Rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách quy định cụ thể, trực tiếp, thống nhất và đồng bộ đối với hoạt động đổi mới công nghệ giảm phát thải KNK* trong các ngành, lĩnh vực kinh tế nói chung và đối với các KKT ven biển nói riêng để phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước, xu thế hướng tới nền kinh tế các bon thấp, tăng trưởng xanh, xây dựng nền kinh tế xanh hướng tới phát triển bền vững trên quy mô toàn cầu hiện nay. Ban hành danh mục công nghệ giảm thiểu KNK phù hợp với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh để làm căn cứ ưu tiên khuyến khích, hỗ trợ từ các cơ chế, chính sách về tài chính, tín dụng, đất đai, hạ tầng kỹ thuật tại các KKT ven biển. Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK đối với các KKT ven biển thông qua việc hỗ trợ các KKT triển khai đánh giá thực trạng, tiềm năng giảm phát thải KNK; xác định các công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ các bon thấp, thân thiện với môi trường. Ban hành cơ chế ưu đãi đối với việc nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ giảm thiểu KNK đối với các KKT ven biển.

*Nâng cao hiệu quả, phương thức hoạt động của các Quỹ phát triển, đổi mới công nghệ hiện có:* Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ phát triển KH&CN địa phương, Quỹ phát triển KH&CN doanh nghiệp, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ BVMT nhằm

tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn tài chính cho hoạt động đổi mới công nghệ giảm thiểu phát thải KNK. Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng; có cơ chế ưu tiên sử dụng vốn vay ODA; hình thành cơ chế hỗ trợ về tài chính cho tiêu dùng các sản phẩm công nghệ các bon thấp, sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ giảm thiểu KNK:

Để thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK tại các KKT, ngoài việc khắc phục các giải pháp trên đây, cần thiết phải tiếp tục bổ sung các giải pháp sau như: *Thứ nhất*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp, đội ngũ quản lý tại các KKT ven biển về lợi ích của việc giảm phát thải KNK. *Thứ hai*, thành lập một Trung tâm Phát triển, chuyển giao công nghệ giảm thiểu KNK quốc gia. *Thứ ba*, có chính sách đầu tư phát triển mô hình mẫu về định hướng đổi mới công nghệ giảm phát thải KNK tại một vài KKT ven biển điển hình để làm mô hình mẫu. *Thứ tư*, các KKT ven biển cần nâng cao tính chủ động trong việc tìm kiếm, huy động các nguồn vốn khác từ các tổ chức quốc tế, các đối tác nước ngoài, tư nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ cao. *Thứ năm*, Việt Nam cần tham gia tích cực vào các cuộc đàm phán quốc tế trong việc thực hiện nỗ lực toàn cầu về cơ chế giảm thiểu KNK giữa các nước thông qua cơ chế thị trường mà có lợi cho nước ta, như cơ chế CDM trước đây.

*Kết luận:* Phát triển các KKT ven biển là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhằm tạo

động lực phát triển kinh tế vùng ven biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh của quốc gia. Để thúc đẩy các KKT ven biển phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với xu thế, bối cảnh toàn cầu, thời gian qua, Việt Nam đã ban hành một số chủ trương, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ tài chính, tín dụng, đầu tư liên quan đến đổi mới, chuyển giao công nghệ nói chung và công nghệ giảm phát thải KNK đối với các KKT ven biển nói riêng. Nhờ đó, vấn đề nhận thức, khả năng tiếp cận nguồn lực và mức độ đổi mới công nghệ nói chung, đổi mới công nghệ giảm phát thải KNK tại các KKT đã được nâng cao, có những chuyển biến tích cực và đạt kết quả nhất định. Tuy vậy, các chính sách liên quan đến đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK cho các KKT ven biển cũng còn nhiều hạn chế cần phải giải quyết trong những năm tới đây như: các chính sách mới dừng ở chủ trương, chưa được quán triệt và thể chế hoá đầy đủ, kịp thời, chưa mang tính đồng bộ; cơ chế, chính sách tài chính, tín dụng chưa phát huy được hiệu quả; các doanh nghiệp chưa quan tâm thực sự đến đổi mới công nghệ giảm thiểu KNK; thị trường công nghệ giảm thiểu KNK nói riêng ở nước ta còn sơ khai, chưa phát triển. Trên cơ sở thực trạng, tiềm năng phát triển các KKT ven biển ở Việt Nam, cũng như căn cứ vào xu hướng phát triển công nghệ giảm thiểu KNK trong những năm tới, bài viết đã đề xuất một số giải pháp khắc phục những hạn chế của chính sách, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích các KKT ven biển đổi mới công nghệ nhằm giảm phát thải KNK trong thời gian tới. ■